TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN BIÊN** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 15-3-2018
V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN BIÊN, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Bạch Tuyết;

2. Bà Nguyễn Hồng Trang.

- Thư ký phiên toà: Bà Đinh Thị Hồng Diên, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Dương Thanh Tòng, Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 3 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 512/2017/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 10 năm 2017 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2018/QĐXX-ST ngày 07 tháng 02 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 05/2018/QĐST-HNGĐ ngày 28/02/2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Phạm Kim T, sinh năm 1980; cư trú tại: Tổ 6, ấp A, xã B, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh; có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Minh P, sinh năm 1981; cư trú tại: Tổ 6, ấp A, xã B, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 27/10/2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – chị Phạm Kim T trình bày:

Chị và anh Nguyễn Minh P tự nguyện chung sống vợ chồng từ năm 1997, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh. Quá trình chung sống lúc đầu hạnh phúc, từ năm 2007 phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng không hợp nhau, anh P thường xuyên đánh chị. Chị và anh P không sống cùng nhau từ tháng 3/2015 đến nay. Chị yêu cầu được ly hôn với anh P.

Về con chung: Chị và anh Nguyễn Minh P chung sống có ba con chung cháu Nguyễn Minh Đ, sinh ngày 25/12/1998, Nguyễn Minh H, sinh ngày 19/5/2002, và cháu Nguyễn Minh Đ, sinh ngày 29/9/2006. Hiện tại cháu Nguyễn Minh Đ đã trên 18 tuổi tự lao động nuôi sống được bản thân nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với hai cháu Nguyễn Minh H và Nguyễn Minh Đ, chị yêu cầu được nuôi hai con chung, không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Phạm Kim T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Minh P đã được Tòa án triệu tập nhiều lần để làm việc nhưng anh P không đến nên Tòa án không thể lấy lời khai của anh P và không tiến hành thủ tục hòa giải được. Do đó, Tòa án đã tiến hành đầy đủ thủ tục đúng theo quy định để giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa:

Chị T có đơn xin xét xử vắng mặt, anh P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh:

- Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, xác định quan hệ tranh chấp đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền theo quy định tại Điều 26, 35, 68, 96, 97, 98, 195, 196, 203 và Điều 220 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Chị Phạm Kim T và anh Nguyễn Minh P tự nguyện chung sống vợ chồng từ năm 1997, có đăng ký kết hôn. Anh chị có 03 con chung tên Nguyễn Minh Đ, Nguyễn Minh H và Nguyễn Minh Đ. Chị T yêu cầu được ly hôn với anh P. Về con chung: Cháu Nguyễn Minh Đ đã trên 18 tuổi nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, chị yêu cầu được nuôi hai con chung Nguyễn Minh H và Nguyễn Minh Đ, không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung: Chị T không yêu cầu giải quyết. Quá trình chung sống chị T và anh P có nhiều mâu thuẫn. Hai cháu Nguyễn Minh H và Nguyễn Minh Đ đều có nguyện vọng sống với mẹ nên đề nghị Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T và giao chị T nuôi dưỡng 02 con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Chị Phạm Kim T có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Nguyễn Minh P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt nên căn cứ vào

điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị T và anh P.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Phạm Kim T và anh Nguyễn Minh P tự nguyện chung sống vợ chồng vào năm 1997, có đăng ký kết hôn, đây là hôn nhân hợp pháp được tôn trọng và được pháp luật bảo vệ. Qua thu thập chứng cứ thể hiện: Anh chị chung sống vợ chồng thời gian đầu hạnh phúc nhưng thời gian sau anh P không lo làm ăn dẫn đến vợ chồng cự cãi, anh P không quan tâm đến vợ con, hiện tại chị T và anh P không sống cùng nhau, không còn quan tâm, chăm sóc nhau. Điều này chứng tỏ hôn nhân giữa chị T, anh P lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Phạm Kim T.

[3] Về con chung: Chị Phạm Kim T và anh Nguyễn Minh P có ba con chung tên Nguyễn Minh Đ, Nguyễn Minh H và Nguyễn Minh Đ. Cháu Nguyễn Minh Đ đã trên 18 tuổi có khả năng tự lao động nuôi sống được bản thân nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị T yêu cầu được nuôi hai con chung là cháu Nguyễn Minh H và Nguyễn Minh Đ. Quá trình giải quyết vụ án không làm việc được với anh P nên không thể hiện ý chí muốn được nuôi con của anh P. Đồng thời hai cháu Nguyễn Minh H và Nguyễn Minh Đ đều có nguyện vọng sống với mẹ. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình giao chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai cháu Nguyễn Minh H, sinh ngày 19/5/2002 và cháu Nguyễn Minh Đ, sinh ngày 29/9/2006 là hoàn toàn phù hợp. Ghi nhận chị T không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi hai con chung.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Phạm Kim T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Phạm Kim T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Kim T về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con".

Chị Phạm Kim T được ly hôn với anh Nguyễn Minh P.

2. Về con chung: Đối với cháu Nguyễn Minh Đ, sinh ngày 25/12/1998 đã trên 18 tuổi tự lao động nuôi sống bản thân nên không đặt ra giải quyết. Giao chị Phạm Kim T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục hai cháu Nguyễn Minh H, sinh ngày 19/5/2002 và cháu Nguyễn Minh Đ, sinh ngày 29/9/2006. Ghi nhận chị T không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi hai con chung.

Sau khi ly hôn, anh Nguyễn Minh P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, chị Phạm Kim T cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở. Anh P không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Phạm Kim T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí:

Chị Phạm Kim T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0004690 ngày 27 tháng 10 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh. Chị Phạm Kim T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Phòng KTNV và THA TAT;
- VKS huyện Tân Biên;
- Chi cục THADS huyện Tân Biên;
- Các đương sự ;
- UBND xã G, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh;
- Lưu hồ sơ (D).

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thị Phương